TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2020/HSST
Ngày: 09 – 7 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh P2 – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/HSST ngày 18 tháng 02 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/HSST-QĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. HUỲNH HỮU T, sinh năm 1986 tại Bình Phước; tên gọi khác: Cu lớn; Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, khu phố P, phường P1, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu T1 và bà Đỗ Thanh B1; con có một người sinh năm 2018; tiền án: 04 (Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2012/HSST, ngày 19/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2013/HSST, ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2014/HSST, ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện huyện Tân C5, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 27/3/20172 của Tòa án nhân dân huyện huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/8/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị

xã Bình Long), tỉnh Bình Phước xử 01 năm tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 51/2003/HSST; Ngày 11/4/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long), tỉnh Bình Phước xử 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 66/2005/HSST; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. VĂN THANH C, sinh năm 1981 tại Long An; Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T2, huyện B2, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Thành L (đã chết) và bà Trần Thị L1; vợ Trần Thị D, con có chưa có; tiền án: 03 (Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2013/HSST ngày 17/01/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử 04 tháng 12 ngày tù về tội "Đánh bạc"; Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2014/HSST ngày 27/6/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử 06 tháng 05 ngày tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2016/HSST ngày 07/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử 01 năm 02 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/01/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Ngày 24/8/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN ĐỨC N, sinh năm 1988 tại Bình Phước; Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, khu phố A, phường A1, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Phạm Thị N; vợ Lê Thị Kim C, con có một người sinh năm 2010; tiền án: 03 (Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2006/HSST ngày 21/11/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử 01 năm 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2013/HSST ngày 18/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 10/2016/HSST ngày 04/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không. Bị cáo hiện bị tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **PHẠM QUANG H**, sinh năm 1986 tại Nam Định; tên gọi khác: H chỉ; Nơi ĐKHKTT: Khu phố P, phường T3, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C1 và bà Đoàn Thị N1; vợ Lê Thị Mỹ L2; con có 02 người sinh năm 2008 và năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/01/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành

phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2007/HSST; Ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự phúc thẩm số 36/2012/HSPT; Ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2016/HSST; Bị cáo hiện bị tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. TRẦN VĂN C1, sinh năm 1983 tại Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ1, xã T4, huyện T5, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/10/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước xử 01 năm tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2010/HSST; Bị cáo hiện bị tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. TÔ XUÂN C3, sinh năm 1975 tại Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Ấp S, xã T5, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp H4, xã L5, huyện L6, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Xuân B4 (đã chết) và bà Vũ Thị T6 (đã chết); con có hai người sinh năm 2003 (đã chết) và năm 2006; tiền án: 01 (Tại bản án hình sự phúc thẩm số 35/2016/HSPT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/01/2005 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử 03 năm tù cho hưởng án treo về tội "Lưu hành tiền giả"; Ngày 03/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử 01 năm 02 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 23/8/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo hiện bị tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. NÔNG QUỐC C4, sinh năm 1988 tại Lạng Sơn; tên gọi khác: L3; Nơi ĐKHKTT: Tổ 10, khu phố P1, phường A1, Thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 5, khu phố P2, phường P3, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Nông Thị Ái H5; vợ Trần Thị Diễm M1; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/7/2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử 09 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản"; Ngày 29/02/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 24/11/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. NGÔ VĂN P2, sinh năm 1988 tại Bình Phước; tên gọi khác: B5; Nơi ĐKHKTT: Tổ 3, khu phố P1, phường A1, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C6 và bà Nguyễn Thị B6; vợ Nguyễn Thị Ngọc V2 và con có một người sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Lê Văn L6, sinh năm 1980 và chị Lê Thị H5, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Anh Lê Văn Đ6, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

3. Cháu Lê Văn K3, sinh năm 2004; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L6, sinh năm 1980 và bà Lê Thị H5, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

4. Anh Trương Phi T7, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 12, xã M8, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

5. Anh Tống Văn N8, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

6. Anh Nguyễn Văn L8, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã M5, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

7. Anh Lê Minh T9, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp 5, xã M9, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

8. Chị Trần Nguyễn Thu C5, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3B, xã M8, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Phước L7, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: Ấp Mỹ Phú B, xã H8, huyện C8, Tiền Giang; Chỗ ở: Tổ 11, ấp 3A, xã M8, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

10. Anh Lê Đình H9, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 3B, xã M8, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

11. Anh Phạm Minh H10, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 5, xã M8, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

12. Ông Lâm Thanh H11, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Ấ, xã T9, huyện H12, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

13. Anh Lê Thành L9, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp P5, xã A6, huyện H12, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

14. Anh Trần Văn D3, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Ấp 8, xã T7, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

15. Chị Trần Thị Bích L11, sinh năm 1982 và anh Trần Quang T11, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố P6, phường P7, Thị xã B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

16. Chị Vũ Thị Hồng T13, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp T14, xã T15, huyện Đ4, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

17. Chị Lê Thị D5, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Đội 1, ấp 3, xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

18. Anh Đặng Ngọc A2, sinh năm 1984 và chị Lê Thị T15, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ cư trú: Đội 3, ấp 2, xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

19. Anh Lê T15, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã Đ5, huyện Đ5, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

20. Anh Trương Quang G, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã Đ5, huyện B4, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Hữu T16, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 2, xã M6, huyện H11, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

2. Ông Vũ Tiến B8, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp D7, xã T11, huyện Đ4, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

3. Ông Trịnh Xuân Đ6, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Đội 3, ấp 2, xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

4. Chị Phan Thị Trúc A1, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã Đ5, huyện B4, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang H, Trần Văn C1, Phạm Anh T17là bạn với Nguyễn Đức N; N là bạn với Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T, Nguyễn Duy P8 (Bi Chó), Nông Quốc C4, Tô Xuân C3 và Ngô Văn P2. Ngoại trừ Ngô Văn P2, tất cả các bị cáo khác đều đã từng bị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử, nghiện chất ma túy, không nghề nghiệp, sinh sống không có nơi cố định. Do có ý định chiếm đoạt tài sản và bán tài sản do trộm cắp mà có để tiêu xài cá nhân nên Phạm Quang H, Văn Thanh C thuê xe ô tô tự lái hiệu Inhãnova, màu sơn bạc, biển kiểm soát: 93A-136.08 và 93A-140.66 (sau đây viết gọn là xe ô tô) tại cơ sở "P2 Trinh" thuộc khu phố P, phường T3, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước của chị Văn Thị Lệ Trinh làm chủ để làm P2 tiện cùng đồng phạm

phạm tội; mỗi lần thực hiện tội phạm, H và C sử dụng biển số xe giả dán đè lên biển kiểm soát xe ô tô thật để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện.

Từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, các bị cáo đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh. Tại địa bàn tỉnh Bình Phước, các bị cáo đã thực hiện phạm tội, cụ thể như sau:

1. Địa bàn huyện Chơn Thành:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô từ nhà Hđến nhà nghỉ Bờ Hồ thuộc phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài rước C1. Sau đó, Htiếp tục điều khiển xe ô tô đến quán cà phê (không rõ tên) tại dốc Tà Bế thuộc xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài đón T17cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi chạy đến gần trạm thu phí Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, T17xuống xe ô tô, dùng biển số xe giả (không nhớ số cụ thể) dán đè lên biển kiểm soát thật của xe ô tô. Dán xong cả nhóm chạy đi tìm nhà dân sơ hở trong quản lý tài sản để trộm.

Đến khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2019, cả nhóm đi đến quán cà phê nhà anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 tại tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C không có cổng rào, tắt điện nên cả nhóm dừng xe ô tô vào trộm tài sản. C1và T17đột nhập vào quán của anh L6, chị H5 còn Hđậu xe ô tô đối diện quán cà phê C1 giới. C1mang theo một roi điện dạng đèn pin, màu đen, T17mang theo một khúc gỗ tròn dài khoảng 60cm lén lút đi vào nhà anh L6, chị H5. C1đi trước vào phòng khách lấy được 01 điện thoại Iphone của anh Lê Văn Đ6 và 01 điện thoại Samsung A7 của cháu Lê Văn K3 mang ra xe ô tô đưa cho Hcất giữ. C1tiếp tục quay lại phòng khách đẩy lùi xe mô tô SH Mode, biển kiểm soát: 93B1-253.73 của vợ chồng anh Luận ra khỏi nhà. Sau khi dẫn xe mô tô ra ngoài, do xe có sẵn chìa khóa và nón bảo hiểm nên C1điều khiển xe mô tô hướng Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành về Thị xã Bình Long để bán xe mô tô, còn Hđiều khiển xe ô tô chở T17chạy phía sau. Trên đường đi, Hđiện thoại cho Tô Xuân C3 để hỏi C3 có mua xe mô tô vừa trộm được không thì C3 đồng ý mua và hẹn gặp Hở nghĩa trang thuộc xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long. Tại đây, nhóm của Hthấy C3 đi cùng một thanh niên (không xác định được lý lịch cá nhân) bằng xe mô tô Exciter màu xanh (không rõ đặc điểm) đứng chờ sẵn, Hđồng ý bán xe mô tô với số tiền 14.000.000 đồng, C3 đưa tiền cho Huy, Hchia cho Tuấn, C1mỗi người 4.300.000 đồng còn Hgiữ 5.400.000 đồng. Mua xe xong, C3 điều khiển xe đến địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho đối tượng tên P8 (chưa rõ lai lịch) được 15.000.000 đồng, C3 thu lợi được 1.000.000 đồng. Còn 02 điện thoại di động, khoảng 03 ngày sau, Hmang xuống Thành phố Hồ Chí Minh bán cho đối tượng không rõ lý lịch được 3.000.000 đồng, Hchia cho C3, T17mỗi người 1.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 71/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị các tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng – đen, biển kiểm soát: 93B1-253.73 của vợ chồng anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 là 60.300.000 đồng; điện thoại di động Nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus, màu sơn vàng của anh Lê Văn Đ6 là 4.000.000 đồng; điện thoại di động Nhãn hiệu Samsung, loại A7, màu sơn đen của cháu Lê Văn K3 là 5.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do các bị cáo H, T17và C1chiếm đoạt là 69.900.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ, ngày 10 tháng 7 năm 2019, C1 điều khiển xe ô tô chở N đến khu vực vườn tràm thuộc tổ 2, ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (sau đây viết gọn là vườn tràm) rước Toàn, P8 đi đến huyện Chơn Thành để trộm cắp tài sản. Khi đi, Toàn chuẩn bị kìm cộng lực và đoản để cắt khóa xe mô tô, cả nhóm đi lòng vòng tìm tài sản để trộm. Đến khoảng 05 giờ, ngày 11 tháng 7 năm 2019, cả nhóm tới khu vực tổ 9, ấp 12, xã M8, huyện C thì C1 phát hiện trước sân nhà anh Trương Phi T7 khóa cửa cổng hàng rào bên trong sân nhà dựng 02 xe mô tô Nhãn hiệu: Honda, loại xe Wave, màu đen-bạc, biển kiểm soát: 93B1-158.15 và xe mô tô Wave RSX, màu vàng-đen, biển kiểm soát: 93B1-126.03. Toàn, P8 xuống xe, C1, N đứng ngoài C1 giới. Toàn dùng kìm cắt ổ khóa cổng, vào lấy trộm 02 xe mô tô trên. Toàn điều khiển 01 xe mô tô, P8 điều khiển 01 xe mô tô chạy ra hướng đường Quốc lộ13 được khoảng 500m thì Toàn dừng xe lại để chất xe mô tô lên xe ô tô. Sau đó, C1, N, T, P8 về đến vườn tràm thuộc tổ 2, ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản. Tại đây, T liên hệ với H9 (chưa xác định được lý lịch) để bán xe mô tô vừa trộm được. T bảo P8 và P2 mang xe đi bán cho H9 tại đường biên giới gần đồn Tà Nốt thuộc huyện L7 Ninh được 9.500.000 đồng, T chia cho P2 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T chia cho C1 2.500.000 đồng, P8 2.000.000 đồng, N 2.000.000 đồng và T 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 92/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 15 tháng 10 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave, màu đen – bạc, biển kiểm soát 93B1 – 158.15 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.200.000 đồng; giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu vàng - đen, biển kiểm soát: 93B1 – 126.03 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của anh Trương Phi T7 bị chiếm đoạt là 20.700.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ ngày 14 tháng 7 năm 2019, C1 điều khiển xe ô tô chở N đến khu vực vườn tràm rước T đi trộm cắp tài sản, T mang theo kìm cộng lực và đoản để đi trộm cắp tài sản, cả nhóm đi lòng vòng tìm tài sản để trộm. Đến khoảng 01 giờ, ngày 15 tháng 7 năm 2019, C1 phát hiện trước sân nhà anh Tống Văn N8 thuộc tổ 9, ấp 3, xã M5, huyện C dựng xe mô tô Nhãn hiệu Honda Vision, màu

đỏ, biển kiểm soát: 36B5-031.53 và xe mô tô Nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu xanh, biển kiểm soát: 36B2-028.58, C1 dừng xe ô tô cách nhà anh N8khoảng 50m. Lúc này, N xuống xe dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng, N dắt trộm xe mô tô Wave ra khỏi cổng và T vào dắt trộm xe mô tô Vision. Sau đó, T và N đẩy bộ xe mô tô đến xe ô tô C1 đang chờ, C1 mở cốp xe ô tô, T mở 02 kính cH10 hậu của xe mô tô hiệu Vision vứt tại lề đường rồi khiêng xe mô tô hiệu Vision lên xe ô tô, còn T dùng đoản bẻ ổ khóa xe mô tô Wave rồi điều khiển xe về vườn tràm. Lúc này, T liên hệ với H9 để bán 02 xe mô tô vừa trộm được. T nói P8, P2 ra mang xe đi bán cho H9 tại đường biên giới gần đồn Tà Nốt được 17.000.000 đồng. T chia cho P2 1.000.000 đồng, P8 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T chia đều cho C1 và N mỗi người 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 01 tháng 10 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu xanh, biển số 36B2 – 028.58 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.600.000 đồng; giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Vision, màu đỏ, biển kiểm soát: 36B5 – 031.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 24.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà anh Tống Văn N8 bị chiếm đoạt là 31.100.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 22 giờ, ngày 21 tháng 7 năm 2019, C1 chở N bằng xe ô tô đến rước T tại ấp 9, xã L7 Hưng. Khi lên xe, T chuẩn bị sẵn kìm cộng lực và đoản để đi trộm cắp tài sản. Đến nhà anh Nguyễn Văn L8 tại tổ 3, ấp 4, xã M5, huyện C phát hiện 01 xe mô tô hãn hiệu Honda-Wave RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 93N3-2911 dựng trong sân nhà không người trông coi, cổng nhà được khóa. C1 điều khiển xe ô tô quay trở lại, C1 đứng bên ngoài xe ô tô C1 giới, T và N đi vào nhà anh Lâm trộm cắp xe mô tô. N dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng vào trộm cắp xe mô tô. N, T đẩy xe mô tô đến nơi xe ô tô C1 đang chờ, C1 mở cốp xe ô tô rồi cùng T, N khiêng xe mô tô lên xe ô tô. Khi về đến vườn tràm thì bỏ xe mô tô anh Lâm xuống, T liên hệ với H9 để bán xe. T nói P8 mang xe đi bán cho H9 tại đường biên giới gần đồn Tà Nốt thuộc huyện L7 Ninh được 6.000.000 đồng, T chia đều cho T, C1 và N mỗi người 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 26 tháng 8 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 93N3 – 2911 của anh Nguyễn Văn L8 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào lúc 17 giờ ngày 22 tháng 7 năm 2019, trong lúc T, P8 đang ở quán cà phê tại vườn tràm thì C1 điện thoại hẹn T tối C1 qua chở T đi trộm cắp xe mô tô, T đồng ý và rủ P8 tham gia. Sau đó, T điện thoại rủ C4 cùng đi trộm cắp tài sản, C4 đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C1 một mình điều khiển xe ô tô đến quán cà phê tại vườn tràm rước T, P8. Trước khi đi, T chuẩn bị kìm cộng lực và đoản

để bẻ khóa xe mô tô. T bảo C1 chở lên phòng tại phường Hưng C3, Thị xã Bình Long rước C4 cùng đi. Sau khi rước C4, cả nhóm cùng bàn bạc thống nhất xuống địa bàn huyện Chơn Thành trộm tài sản. Đến khoảng 03 giờ ngày 23 tháng 7 năm 2019, khi đi qua Công ty cao su Sông Bé thuộc ấp 3, xã M5, huyện C, T phát hiện 01 xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ - trắng, biển kiểm soát: 93B1-220.29 của anh Lê Minh T9, là nhân viên bảo vệ của Công ty dựng trong cổng Công ty không người trông coi. T bảo C1 dừng xe ô tô lại để T vào trộm xe, C1 đỗ xe ô tô sát lề đường, cách cổng Công ty khoảng 30m. T xuống xe, dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng, vào dắt trộm xe mô tô của anh Tánh đẩy ra cổng, đưa cho C4 điều khiển về Thị xã Bình Long trước. Sau đó, T để xe mô tô của anh Tánh lại sử dụng và cho C4 số tiền 4.000.000 đồng. Đến khoảng 10 ngày sau thì T bán xe mô tô của anh Tánh cho C4 được 10.000.000 đồng, T chia cho đều cho P8 và C1 mỗi người 3.300.000 đồng và T 3.400.000 đồng tiêu xài. C4 sử dụng xe của anh Tánh khoảng hơn 10 ngày thì lại bán cho một người không rõ lai lịch trên mạng xã hội Facebook với giá 14.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 89/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 01 tháng 10 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha – Excenter, màu đỏ trắng, biển kiểm soát: 93B1 – 220.29 của anh Lê Minh T9 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 36.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Sau khi trộm xe của anh Tánh thì C1, T và P8 tiếp tục điều khiển xe ô tô đi tìm tài sản trộm cắp. Đến nhà nghỉ "Tấn Phúc" thuộc tổ 11, ấp 3A, xã M8, huyện C, T phát hiện xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại xe SH mode, màu sơn: đen-xám, biển kiểm soát: 93B1- 141.73 của anh Nguyễn Phước L7 và xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 93F1- 429.48 của chị Trần Nguyễn Thu C5 để trong sân nhà nghỉ, không người trông coi. T bảo C1 đỗ xe ô tô trước nhà nghỉ, T cầm kìm cộng lực đến cắt ổ khóa cổng, dắt trộm 02 xe mô tô ra đường. Sau đó, T dùng đoản bẻ ổ khóa 02 xe mô tô trên. T điều khiển xe mô tô SH Mode, P8 điều khiển xe mô tô Sirius chạy về cất dấu trong lùm cỏ tại vườn tràm. Đến sáng ngày 24 tháng 7 năm 2019, T liên hệ H9 để bán 02 xe mô tô trộm của anh L7, chị C5. Sau đó, T bảo P8 và P2 mang xe đi bán cho H9 tại đường biên giới, gần Đồn Tà Nốt thuộc huyện L7 Ninh được 16.000.000 đồng, T chia cho P2 1.000.000 đồng, T, C1, P8 mỗi người 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 30 tháng 8 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha – Sirius, màu đen, biển kiểm soát: 93F1 – 429.48, của chị Trần Nguyễn Thu C5 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 22.230.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 54/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 30 tháng 7 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – SH Mode, màu đen xám, biển kiểm soát 93B1 – 141.73, của anh Nguyễn Phước L7 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 33.000.000 đồng.

Lần thứ bảy: Vào khoảng 22 giờ, ngày 29 tháng 7 năm 2019, C1 điều khiển xe ô tô đến quán cà phê tại vườn tràm rước T và P8 đi trộm cắp tài sản. Trước khi đi, T chuẩn bị kìm cộng lực và đoản để trộm cắp tài sản, cả nhóm đi lòng vòng tìm tài sản. Đến khoảng 05 giờ, ngày 30 tháng 7 năm 2019, cả nhóm phát hiện trước sân nhà của anh Lê Đình H9 có dựng 01 xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu sơn xám ghi, biển kiểm soát: 93C1- 142.92 không người trông coi. T bảo C1 đỗ xe ô tô cách nhà anh H9 khoảng 05m, T xuống xe, dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng, vào trộm xe mô tô của anh H9 đẩy ra chất lên xe của C1 đang chờ rồi về hướng huyện L7 Ninh. T bảo P8 mang xe đi bán cho H9 tại đường biên giới gần đồn Tà Nốt thuộc huyện L7 Ninh, còn C1 chở T về quán cà phê tại vườn tràm chờ. Đến sáng ngày hôm sau, P8 cầm 7.000.000 đồng về quán cà phê, T chia cho C1 1.000.000 đồng tiền thuê xe ô tô, số tiền còn lại T chia đều cho T, C1 và P8 mỗi người 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 31 tháng 7 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Future, màu xám ghi, biển kiểm soát: 93C1 – 142.92, của anh Lê Đình H9 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 18.800.000 đồng.

Lần thứ tám: Vào khoảng 22 giờ, không xác định được ngày, C1, T và N điều khiển xe ô tô vào khu công nghiệp Minh Hưng 3, thuộc xã M8, huyện C rồi tiếp tục đi thẳng qua hướng huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để trộm cắp nhưng không được. Cả nhóm quay lại đoạn đường gần trạm trộn bê tông thuộc ấp 5, xã M8, huyện C thì N phát hiện có một con dê đang mang thai, nặng khoảng 20kg của anh Phạm Minh H10 đang cột gần bên lề đường, N bảo C1 dừng xe lại, N xuống xe, mở dây cột, ôm con dê bỏ sau cốp xe ô tô rồi cả nhóm chạy về quán cà phê tại vườn tràm. Tại đây, T thuê người (chưa xác định được lý lịch) làm thịt dê rồi chia cho C1 một đùi, N 1 đùi, còn lại T sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 102/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 18 tháng 11 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị con dê cái đang mang thai của anh Phạm Minh H10 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.250.000 đồng.

2. Địa bàn Thị xã Bình Long:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ, ngày 09 tháng 7 năm 2019, T đang ở khu vực vườn tràm thì Văn Thanh C điện thoại bảo T tối C1 đến đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau khi ăn cơm tối xong, T đi bộ sang quán cà phê tại vườn tràm và mang

theo một ba lô đựng kìm cộng lực cắt sắt, đoản phá khóa xe mô tô cất giấu ở gốc cây hồ tiêu chờ C1 sang. Tại quán cà phê, T gặp và rủ Nguyễn Duy P8 đi trộm cắp tài sản, P8 đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C1 điều khiển xe ô tô đến quán cà phê gặp T và P8. Đến khoảng 00 giờ ngày 10 tháng 7 năm 2019, T nói P8 lấy ba lô đựng dụng cụ rồi cùng nhau đi tìm tài sản để trộm. Khi đến cửa hàng bán xăng, dầu "Linh Thuận" ở tổ 1, ấp Thanh Kiều, xã Thanh Lương, Thị xã Bình Long thì T nhìn thấy bên trong khu vực trạm xăng, dầu có dựng một xe mô tô hiệu Airblade màu đen biển số kiểm soát: 93C1-079.22 của ông Lâm Thanh H11. C1 lùi xe sát vào hàng rào, P8 cầm ba lô đựng kìm cộng lực, đoản phá khóa rồi cùng với T xuống xe ô tô, phát hiện xe mô tô bị khóa cổ, khóa bánh xe trước nên T lấy đoản mang theo phá khóa cổ xe. P8 cầm bánh trước nhấc lên cho T cầm tay lái đẩy xe mô tô đi ra khỏi hàng rào rồi đến sát xe ô tô, T cầm tay lái xe mô tô lắc bẻ mạnh khoảng 02 hoặc 03 lần thì bẻ gãy khóa cổ. Sau đó, T, C1, P8 khiêng xe mô tô chất lên băng ghế giữa xe ô tô rồi đi đến một lô cao su trong khu vực rừng Tà Thiết thuộc xã L7 Thịnh, huyện L7 Ninh thì T nói C1 dừng xe rồi cả ba đối tượng khiêng xe mô tô xuống, bứt dây khóa điện xe mô tô. T dùng điện thoại di động điện cho H9 để bán xe mô tô. Sau đó, T giao xe mô tô cho P8 và nói P8 chạy xe đến đường vành đai biên giới giáp Campuchia trong khu rừng Tà Thiết để gặp H9 bán xe mô tô, còn C1 lái xe ô tô chở T về căn nhà mà T thuê để ở thuộc xã L7 Thịnh, huyện L7 Ninh chờ P8. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, P8 về đến nơi T, C1 đang chờ rồi đưa 9.000.000 đồng cho T. T đưa cho C1 1.500.000 đồng để C1 trả tiền thuê xe ô tô, còn lại 7.500.000 đồng T chia đều cho T, C1, P8 mỗi người được 2.500.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 92/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thị xã Bình Long xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airlade, màu sơn đen, biển kiểm soát 93C1-079.22 của ông Lâm Thanh H11 có giá trị 28.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ ngày 13 tháng 7 năm 2019, N đang ở tại huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thì C1 điện thoại rủ N đi trộm cắp tài và nói N tìm thêm người để cùng đi. N điện thoại rủ T cùng đi, T trả lời đang ở vườn tràm, khi nào đến thì điện thoại cho T.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C1 điều khiển xe ô tô cùng N đến chỗ của T ở quán cà phê tại vườn tràm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C1 lái xe ô tô chở T, C1 chạy từ xã Minh Tâm đi ra phường Hưng C3 rồi đến phường An L7 thuộc Thị xã Bình Long để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến đoạn đường nhựa thuộc tổ 8, khu phố Phú Cường, phường An L7 thì T nhìn thấy trong quán có khóa cổng dựng dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đỏ-đen biển kiểm soát: 93B1-173.30 của anh Lê Thanh Long và xe mô tô hiệu Honhãnda Winhãner màu trắng – đen biển kiểm

soát: 64D1-408.74 của anh Trần Văn D3 không người trông coi. C1 dừng xe cách cổng quán khoảng 05m thì dừng lại, T mở ba lô màu đen lấy 01 cái kìm cộng lực, loại bơm hơi, dài khoàng 40cm dưa cho N còn T cầm 01 cái kìm cắt kẽm dài khoảng 20cm. Sau đó, N, T đi đến cổng trước quán, T dùng kìm cắt kẽm cắt lưới B40 của cổng ngang với vị trí có ổ khóa cổng bên trong tạo thành khoảng trống rộng khoảng 30cm, rồi N đút mũi kềm công lực để cắt ổ khóa đang khóa cổng bên trong. Sau khi cắt ổ khóa, N cầm kìm đi ra bỏ trên băng ghế giữa xe ô tô và đứng C1 giới để T vào lấy xe mô tô. T thò tay vào khoảng trống lưới B40 bị cắt lấy ổ khóa khóa cổng đi vào trong quán. Khi vào trong quán, T nhìn thấy 02 xe mô tô đều có cắm sẵn chìa khóa trên xe, anh Long và anh D3 đang nằm ngủ trên tấm nệm trải trên nền nhà cách vị trí hai xe mô tô đang dựng khoảng 02m. T dẫn chiếc xe mô tô của anh D3 ra ngoài đường và kêu N chạy xe về vườn tràm, còn T tiếp tục vào quán dẫn chiếc xe mô tô của anh Long chạy về vườn tràm, C1 lái xe ô tô chạy theo sau. Khi đến vườn tràm, C1, T, N bẻ cành cây che đậy hai chiếc xe mô tô lại để cất giấu rồi T nói N, C1 tiếp tục đi tìm tài sản để trộm vì lúc này trời còn sớm.

Lần thứ ba: Sau khi cất giấu hai xe mô tô trên, N chỉ đường C1 điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đi trộm cắp tài sản. Đến khu vực đoạn đường Huỳnh Thúc Kháng trước nhà nghỉ "Hoàng Anh" tại tổ 4, khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức của chị Trần Thị Bích L11 làm chủ, C1 phát hiện trước hành lang dãy phòng nghỉ có dựng một chiếc xe mô tô hiệu Honda Future màu đen – xám biển số kiểm soát: 93E1-090.60 của chị Liên nên C1 nói cho N, T biết rồi C1 lái xe ô tô dừng cách cổng nhà nghỉ khoảng 05m về hướng đi ra đường nhựa lớn. T mở cửa xuống xe rồi đi đến cổng nhà nghỉ thì thấy hai cánh cổng sắt được gài bằng chốt ngang từ bên trong, không khóa nên T thò tay qua khe hở song cửa mở chốt rồi mở cánh cửa cổng ra và đi vào bên trong khuôn viên nhà nghỉ, còn C1 và N ngồi trên xe ô tô để C1 giới cho T. Quan sát không có người nên T dẫn xe mô tô của chị Liên ra đường rồi cùng C1, N khiêng xe mô tô chất lên băng ghế giữa xe ô tô. Sau đó, C1 lái xe ô tô chở T, N và xe mô tô vừa chiếm đoạt được vào nơi cất giấu 02 xe mô tô đã trộm cắp trước đó, rồi giao cho T mang đi bán còn C1, N đến quán cà phê tại vườn tràm chờ T. T dùng đoản mang theo mở phá khóa điện xe mô tô rồi dùng điện thoại điện cho P8 bảo P8 kêu thêm P2 đến vườn tràm phụ T chạy xe mô tô đi bán. Khoảng 10 phút sau P8 và P2 đi bộ đến vườn tràm, T giao xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát: 93B1-173.30 cho P8 điều khiển, P2 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future màu đen – xám biển kiểm soát: 93E1-090.60, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winhãner biển kiểm soát: 93B1-173.30 chạy trước dẫn đường cho P8, N lái xe mô tô chạy theo sau. Trên đường đi, T điện thoại di động điện cho H9 để bán xe, H9 yêu cầu T mang xe đến đường biên giới Tà Thiết thuộc xã L7 Thịnh, huyện L7 Ninh. Khi đến đường biên giới, T gặp H9 đi cùng với 03 người đàn ông khoảng 30

tuổi (không xác định được lý lịch) đang đứng chờ. H9 mua 03 xe mô tô với số tiền là 23.000.000 đồng. Sau đó, P8 điện thoại kêu một xe taxi không rõ biển kiểm soát đến chở T, P8, P2 đến căn nhà do T thuê tại xã L7 Thịnh, huyện L7 Ninh. Tại đây, T trả tiền thuê xe taxi hết 300.000 đồng, T chia cho P8 và P2 mỗi người 1.000.000 đồng. Sau đó, T thuê xe ôm chở về quán cà phê tại vườn tràm nơi C1, N đang chờ với số tiền là 100.000 đồng. T nói cho C1 và N biết bán 03 xe mô tô được 21.000.000 đồng, T lấy tiền bán xe mô tô ra đưa cho C1 1.500.000 đồng để C1 thuê xe ô tô, số tiền còn lại T chia đều cho C1, N mỗi người được 6.500.000 đồng, T lấy 6.100.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 91/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thị xã Bình Long xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winhãner, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 64D1-408.74 của anh Trần Văn Dể có giá trị 28.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh-đỏ-đen, biển kiểm soát 93B1-173.30 của anh Lê Thanh Long có giá trị 23.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá số 82/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thị xã Bình Long xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen xám, biển kiểm soát 93E1-090.60 của chị Trần Thị Bích L11 có giá trị 16.000.000 đồng.

3. Địa bàn huyện Đồng Phú:

Lần thứ nhất: Vào khoảng giữa đêm khuya 02 tháng 3 năm 2019 rạng sáng 03 tháng 3 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô chở N và C1mang theo kìm cộng lực dùng cắt khóa, xuất phát từ Thành phố Đồng Xoài lưu thông trên đường ĐT741 đi về hướng huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 03 tháng 3 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô đến khu vực ấp Thái Dũng, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát hiện nhà của ông Vũ Tiến Báo, có cổng đã khóa, bên trong có chiếc xe mô tô Honda hiệu AirBlade, biển kiểm soát: 93M1 - 214.26 của chị Vũ Thị Hồng T13 là con gái của ông Báo. Hdừng xe trước cổng nhà của ông Báo để C1 giới cho C1dùng kìm cắt khóa cổng, C1cắt xong ra đứng canh gác cho N vào dắt xe mô tô ra ngoài rồi cùng C1đưa lên xe ô tô. Sau đó, Hđiều khiển xe ô tô chở N và C1về hướng Thành phố Đồng Xoài. Trên đường đi, N gọi điện cho Tô Xuân C3 để bán xe mô tô vừa trộm được, C3 đồng ý và hẹn gặp tại khu vực nghĩa trang thuộc xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long. Tại đây, C3 mua chiếc xe mô tô với giá 9.000.000 đồng rồi mang đến huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho P8 (chưa xác định lý lịch) được 10.000.000 đồng, C3 thu lợi được 1.000.000 đồng. Số tiền bán xe cho C3, Hlấy 1.500.000 đồng trả tiền thuê xe; số còn lại, Huy, N và C1chia nhau mỗi người 2.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 86 ngày 31 tháng 10 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Phú xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt xe mô tô Honda hiệu AirBlade, biển kiểm soát: 93M1 - 214.26 của chị Vũ Thị Hồng T13 có giá 23.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng giữa đêm ngày 03 tháng 3 năm 2019 rạng sáng 04 tháng 3 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô chở N và C1mang theo kìm cộng lực dùng cắt khóa để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04 tháng 3 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô đến khu vực xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, phát hiện nhà của chị Lê Thị D5 thuộc ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú có cổng đã khóa, bên trong có chiếc xe mô tô Honda hiệu Vision màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93P2 - 017.13. Hdừng xe trước cổng để C1 giới, C1dùng kìm cắt khóa cổng rồi đứng C1 giới cho N vào trong bẻ khóa cổ lấy trộm xe mô tô, rồi cùng nhau đưa lên xe ô tô. Sau đó, Hđiều khiển xe ô tô chở N và C1về hướng Thành phố Đồng Xoài. Trên đường đi, N gọi điện cho Tô Xuân C3 để bán chiếc xe trộm được thì C3 đồng ý và hẹn gặp nhau tại khu vực nghĩa trang thuộc xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long. Tại đây, N bán chiếc xe mô tô trộm được cho C3 được 8.000.000 đồng. Mua xe xong, C3 điều khiển xe đến địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho P8 (chưa rõ lý lịch) được 8.500.000 đồng. Số tiền bán xe cho C3 có được, Hlấy 1.500.000 đồng để đổ xăng và trả tiền thuê xe ô tô; số tiền còn lại, Hchia đều cho N và C1mỗi người 2.200.000 đồng, Hlấy H2.100.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 82 ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tung hình sự huyện Đồng Phú xác định giá trị xe mô tô Honda hiệu Vision màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93P2 - 017.13 của chị Lê Thị D5 có giá 19.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng giữa đêm ngày 04 tháng 3 năm 2019 rạng sáng ngày 05 tháng 3 năm 2019, Hđiều khiển xe ô tô chở N và C1mang theo kìm cộng lực dùng cắt khóa tiếp tục đến địa bàn huyện Đồng Phú để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực thuộc xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, phát hiện nhà của anh Trịnh Xuân Được tại đội 3, ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú có cổng chốt ngang, bên trong có chiếc xe mô tô Honda hiệu Blade màu đen-cam, biển kiểm soát: 93P1 - 944.96 của anh Đặng Ngọc Anh và chị Lê Thị Thuyết là chủ sở hữu. Hdừng xe trước cổng nhà của anh Được để C1 giới, C1mở cổng và đứng C1 giới cho N vào bẻ khóa cổ lấy trộm xe mô tô, rồi cùng nhau đưa lên xe ô tô. Lấy được xe, trên đường đi thì N gọi điện bán xe mô tô cho C3, C3 đồng ý và hẹn gặp tại khu vực nghĩa trang thuộc xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long. Tại đây, N bán chiếc xe trộm được cho C3 được 7.000.000 đồng. Mua xe xong, C3 điều khiển xe đến địa bàn huyện Bù Đốp bán cho P8 (chưa rõ lý lịch) được 7.500.000 đồng. Số tiền bán xe cho C3 có được, Hlấy

1.000.000 đồng để đổ xăng và trả tiền thuê xe; số tiền còn lại, Hchia cho N và C1mỗi người 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 83 ngày 31 tháng 10 năm 2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tung hình sự huyện Đồng Phú xác định giá trị xe mô tô Honda hiệu Blade màu đen-cam, biển kiểm soát: 93P1 - 944.96 của anh Đặng Ngọc Anh và chị Lê Thị Thuyết có giá 10.850.000 đồng.

4. Địa bàn huyện Bù Đăng:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 29 tháng 5 năm 2019, Hsử dụng xe ôtô đón C1tại nhà nghỉ thuộc phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài và đón T17tại quán cà phê của T17ở dốc "Tà Bế". Trước khi đi trộm, C1và T17thay biển kiểm soát của xe bằng 01 biển kiểm soát giả mang số tỉnh Bình Dương (không nhớ rõ biển số) và chuẩn bị sẵn kìm cộng lực, đèn bin bỏ lên xe. Sau đó, T17chở C1và Hđi lòng vòng các tuyến đường trong tỉnh Bình Phước tìm nhà sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 02 giờ, ngày 30 tháng 5 năm 2019 cả nhóm đến thôn 2, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng phát hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Minh Long Thiên Kim của chị Phan Thị Trúc Anh làm chủ đã đóng cửa nhưng ở ngoài sân có dựng 01 xe môtô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng - đỏ, biển kiểm soát: 93P2-018.58, cả nhóm thống nhất lấy trộm chiếc xe mô tô. Hđiều khiển xe ô tô dừng lại trước cổng Công ty, T17và C1xuống xe đi bộ vào dùng tay nhấc cổng qua một bên để có kẻ hở đi vào sân, C1thấy Trương Văn Giầu là công nhân của Công ty đang ngủ trong phòng kính, có để 01 điện thoại hiệu Vivo kế bên. C1bước vào lấy điện thoại bỏ vào túi quần, sau đó cùng T17đẩy xe mô tô đang để trong sân ra đường, cả nhóm đưa xe mô tô trộm được lên xe ôtô. Sau đó, Hđiều khiển xe chạy về hướng Thành phố Đồng Xoài. Trên đường đi, Hgọi và hẹn gặp một người (không xác định được lý lịch) ở nghĩa trang thuộc Thị xã Bình Long. Tại đây, Hbán xe mô tô trộm được với giá 15.000.000 đồng, chia cho mỗi người 5.000.000 đồng, còn điện thoại hiệu Vivo trộm được Hbán cho một người không rõ lai lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh được 1.000.000, Hsử dụng.

Tại kết luận định giá số: 70/KL-ĐG ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định giá trị của 01 xe môtô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát: 93P2-018.58 của anh Lê T15 có giá trị 44.590.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Vivo, loại 1808 của anh Trương Văn Giàu có giá trị 3.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 48.080.000 đồng.

Về vật chứng:

Thu giữ 02 thanh kim loại màu trắng một đầu dẹp, một đầu hình lục giác, được gắn vào một thanh kim loại hình chữ L bên ngoài có quấn băng keo màu đen;

01 kìm bằng kim loại (kìm cộng lực) màu trắng-cam tay cầm được quấn băng keo màu đen, kích thước 29cm x 5cm.

Bị cáo tô Xuân C3 nộp 3.000.000 đồng thu lợi bất chính được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 liên đới bồi thường cho anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 93B1-253.73 có giá trị 69.900.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Văn Đ6 điện thoại Iphone, loại 6 Plus có giá trị 4.000.000 đồng; bồi thường cho cháu Lê Văn K3 điện thoại di Samsung, loại A7, màu sơn đen có giá trị 5.600.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T và Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho anh Trương Phi T7 mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave, màu đen – bạc, biển kiểm soát 93B1 – 158.15 trị giá 10.200.000 đồng và xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu vàng - đen, biển kiểm soát: 93B1 – 126.03 trị giá 10.500.000 đồng; bồi thường cho anh Tống Văn N8 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu xanh, biển số 36B2 – 028.58 giá trị 6.600.000 đồng và xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Vision, màu đỏ, biển kiểm soát: 36B5 – 031.53 trị giá 24.500.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn L8 xe Honda – Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 93N3 – 2911 trị giá 8.000.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Bích L11 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen xám, biển kiểm soát 93E1-090.60 trị giá 16.000.000 đồng;

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T liên đới bồi thường cho anh Lâm Thanh H11 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airlade, màu sơn đen, biển kiểm soát 93C1-079.22 trị giá 28.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh H10 một con dê trị giá 5.250.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Nguyễn Đức N, Huỳnh Hữu T liên đới bồi thường cho anh Trần Văn D3 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winhãner, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 64D1-408.74 trị giá 28.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Thanh Long 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh-đỏ-đen, biển kiểm soát 93B1-173.30 trị giá 23.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1, Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Hồng T13 xe mô tô Honda hiệu AirBlade, biển kiểm soát: 93M1 - 214.26 giá trị 23.000.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thị D5 xe mô tô Honda hiệu Vision màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93P2 - 017.13 có giá 19.500.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Ngọc Anh và chị Lê Thị Thuyết xe mô tô Honda hiệu Blade màu đen-cam, biển kiểm soát 93P1 - 944.96 giá trị 10.850.000 đồng.

Đối với tài sản của anh Lê Minh T9 bị mất trộm xe Nhãn hiệu Yamaha – Excenter, màu đỏ trắng, biển kiểm soát: 93B1 – 220.29 có giá trị 36.000.000 đồng do Nguyễn Duy P8, Huỳnh Hữu T, Văn Thanh C, Nông Quốc C4 thực hiện. Tuy

nhiên, Nông Quốc C4 đã tự nguyện bồi thường cho anh Tánh số tiền 25.000.000 đồng, anh Tánh không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

Đối với tài sản là một xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại xe SH mode, màu sơn: đen-xám, biển kiểm soát: 93B1- 141.73 của anh Nguyễn Phước L7 có giá trị là 33.000.000 đồng; một xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 93F1- 429.48 của chị Trần Nguyễn Thu C5 có giá trị là 22.300.000 đồng do Nguyễn Duy P8, Huỳnh Hữu T, Văn Thanh C thực hiện. T, C1 đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho anh L7, chị C5 số tiền 25.000.000 đồng. Anh L7, chị C5 không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

Đối với tài sản 01 xe Honda – Future màu xám ghi, biển kiểm soát: 93C1 – 142.92 của anh Lê Đình H9 có giá trị 18.800.000 đồng do Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T, Nguyễn Duy P8 thực hiện. Bị cáo T, C1 tích cực tác động gia đình bồi thường cho anh H9 số tiền 8.000.000 đồng. Anh H9 không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

Bản cáo trạng số 13/CTr-VKS, ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn T, Văn Thanh C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, khoản 3, Điều 173; bị cáo Phạm Quang H, Nguyễn Đức N, Trần Văn C1 bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b, c khoản 2, Điều 173; bị cáo Nông Quốc C4 bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; bị cáo Tô Xuân C3 bị truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323; bị cáo Ngô Văn P2 bị truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T mức án từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Văn Thanh C mức án từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm tù.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Đức N mức án từ 05 năm 06 tháng đến 6 năm tù.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Phạm Quang H mức án từ 05 năm 06 tháng đến 6 năm tù.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Trần Văn C1 mức án từ 05 năm 06 tháng đến 6 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Tô Xuân C3 mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Ngô Văn P2 mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17, 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nông Quốc C4 mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã thể hiện và không tranh luận.

Người bị hại yêu cầu bồi thường dân sự theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH10 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại Lê Văn Đ6, Lê Minh T9, Trần Nguyễn Thu C5, Nguyễn Phước L7, Lê Đình H9, Phạm Minh H10, Lê Thành L9, Trần Văn D3, Vũ Thị

Hồng T13, Lê T15, Trương Quang Giàu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hữu T16, Vũ Tiến Báo, Trịnh Xuân Được, Phan Thị Trúc Anh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, Nguyễn Đức N, Phạm Quang H, Trần Văn C1, Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T, Tô Xuân C3, Nông Quốc C4 và Ngô Văn P2 thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh. Riêng tại địa bàn tỉnh Bình Phước, tất cả các bị can đã thực hiện 17 lần phạm tội với tổng giá trị các tài sản đã chiếm đoạt là 441.410.000 đồng. Cụ thể:

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 trộm xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng – đen, biển kiểm soát: 93B1-253.73 của vợ chồng anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 60.300.000 đồng; điện thoại di động Nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus, màu sơn vàng của anh Lê Văn Đ6 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000 đồng; điện thoại di động Nhãn hiệu Samsung, loại A7, màu sơn đen của cháu Lê Văn K3 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.600.000 đồng; trộm của anh Lê T15 01 xe môtô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát: 93P2-018.58 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 44.590.000 đồng; trộm của anh Trương Văn Giàu 01 điện thoại hiệu Vivo, loại 1808 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.490.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Nguyễn Đức N và Huỳnh Hữu T trộm của anh Trương Phi T7 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave, màu đen – bạc, biển kiểm soát 93B1 – 158.15 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.200.000 đồng và 01 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu vàng - đen, biển kiểm soát: 93B1 – 126.03 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.500.000 đồng, tổng giá trị tài sản của anh Thuận bị chiếm đoạt là 20.700.000 đồng; trộm của anh Tống Văn N8 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu xanh, biển số 36B2 – 028.58 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 6.600.000 đồng và 01 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 36B5 – 031.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 24.500.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà anh N8bị chiếm đoạt là 31.100.000 đồng; trộm của anh Nguyễn Văn L8 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 93N3 – 2911 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là là 8.000.000 đồng; trộm của anh Trần

Văn D3 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winhãner, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 64D1-408.74 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 28.000.000 đồng; trộm của anh Lê Thanh Long 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh-đỏ-đen, biển kiểm soát 93B1-173.30 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 23.000.000 đồng; trộm của chị Trần Thị Bích L11 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen xám, biển kiểm soát 93E1-090.60 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 16.000.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T và Nông Quốc C4 trộm của anh Lê Minh T9 xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha – Exceter, màu đỏ trắng, biển kiểm soát: 93B1 – 220.29 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 36.000.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T trộm của chị Trần Nguyễn Thu C5 01 xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha – Sirius, màu đen, biển kiểm soát: 93F1 – 429. tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 22.230.000 đồng; trộm của anh Nguyễn Phước L7 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – SH Mode, màu đen xám, biển kiểm soát 93B1 – 141.73, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 33.000.000 đồng; trộm của anh Lê Đình H9 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Future, màu xám ghi, biển kiểm soát: 93C1 – 142.92 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 18.800.000 đồng; trộm của anh Phạm Minh H10 một con dê đang mang thai tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.250.000 đồng; trộm của ông Lâm Thanh H11 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airlade, màu sơn đen, biển kiểm soát 93C1-079.22 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 28.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 và Nguyễn Đức N trộm của chị Vũ Thị Hồng T13 01 xe mô tô Honda hiệu AirBlade, biển kiểm soát: 93M1 - 214.26 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 23.000.000 đồng; trộm của chị Lê Thị D5 01 xe mô tô Honda hiệu Vision màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93P2 - 017.13 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 19.500.000 đồng; trộm của anh Đặng Ngọc Anh và chị Lê Thị Thuyết 01 xe mô tô Honda hiệu Blade màu đen-cam, biển kiểm soát: 93P1 - 944.96 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.850.000 đồng.

Như vậy, đủ căn cứ để xác định: Hành vi của Huỳnh Văn T, Văn Thanh C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, khoản 3, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của Phạm Quang H, Nguyễn Đức N, Trần Văn C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b, c khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của Nông Quốc C4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của Tô Xuân C3 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của Ngô Văn P2 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số: 13/CTr-VKS-CT, ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Huỳnh Văn T, Văn Thanh C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, khoản 3, Điều 173; bị cáo Phạm Quang H, Nguyễn Đức N, Trần Văn C1 bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b, c khoản 2, Điều 173; bị cáo Nông Quốc C4 bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; bị cáo Tô Xuân C3 bị truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323; bị cáo Ngô Văn P2 bị truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa P2. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đây là vụ án đồng phạm trong 07 bị cáo có 4 bị cáo Huỳnh Hữu T, Văn Thanh C nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản; Nguyễn Đức N và Tô Xuân C3 cũng từng bị kết án về tội tương tự, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cho phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4.1]. Đối với bị cáo Huỳnh Hữu T:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 6 lần bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, có 4 tiền án chưa xóa án tích, bị cáo cùng đồng bọn thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước và bị cáo đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội chuyên nghiệp"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo phạm tội 12 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án đồng phạm với các bị cáo N, C1, C4 thì bị cáo T là người khởi xướng và là người thực hành, tích cực và chủ động hơn nên phải chịu trách nhiệm cao hơn. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Đình H9, Trần Nguyễn Thu C5 và Nguyễn Phước L7; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo con nhỏ sinh năm 2018; gia đình bị cáo có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.2]. Đối với bị cáo Văn Thanh C:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 5 lần bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, có 3 tiền án chưa xóa án tích. Bị cáo là người trực tiếp thuê xe ô tô để cùng đồng phạm thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản, bị cáo là người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, đưa ra kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"phạm tội có tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo cùng đồng bọn thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước và bị cáo đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội chuyên nghiệp"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo phạm tội 12 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trước đây bị cáo phạm tội với tình tiết "tái phạm" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm nguy hiểm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án đồng phạm với các bị cáo N, T, C4 thì bị cáo là người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, đưa ra kế hoạch thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm cao trong vụ án. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Đình H9, Nguyễn Trần Thu C5 và Nguyễn Phước L7; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Đức N:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo phạm tội 08 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án cùng Hvà C1tại địa bàn huyện Đồng Phú và trong vụ án đồng phạm với các bị cáo C1, T, C4 tại địa bàn Chơn Thành thì bị cáo có vai trò là người thực hành tích cực, lấy thu lợi bất chính làm nguồn sống, là mắc xích quan trọng trong vụ án, bị cáo phạm tội ở nhiều huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và thực hiện phạm tội ở các tỉnh khác do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.4]. Đối với bị cáo Phạm Quang H:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 05 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án cùng N và C1tại địa bàn huyện Đồng Phú, huyện Bù Đăng thì bị cáo có vai trò là người thực hành tích cực, lấy thu lợi bất chính làm nguồn sống, bị cáo phạm tội ở nhiều huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và thực hiện phạm tội ở

các tỉnh khác do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.5] Đối với bị cáo Trần Văn C1:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 05 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án cùng N và Htại địa bàn huyện Đồng Phú, huyện Bù Đăng thì bị cáo có vai trò là người thực hành tích cực, lấy thu lợi bất chính làm nguồn sống, bị cáo phạm tội ở nhiều huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và thực hiện phạm tội ở các tỉnh khác do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.6] Đối với bị cáo Tô Xuân C3:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo phạm tội 04 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có con còn nhỏ sinh năm 2019; bị cáo bị bệnh AIDS nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.7] Đối với bị cáo Nông Quốc C4:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Minh T9; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo bị bệnh suy tim độ 3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.8] Đối với bị cáo Ngô Văn P2:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 04 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo có hoàn C1 khó khăn; bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trên cơ sở phân tích vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án cần buộc các bị cáo bồi thường tương xứng với hành vi phạm tội của mình, cụ thể:

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 liên đới bồi thường cho anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 93B1-253.73 có giá trị 65.900.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Văn Đ6 điện thoại Iphone, loại 6 Plus có giá trị 4.000.000 đồng; bồi thường cho cháu Lê Văn K3 điện thoại di Samsung, loại A7, màu sơn đen có giá trị 5.600.000 đồng; bồi thường cho anh Lê T15 01 xe môtô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát: 93P2-018.58 của anh Lê T15 có giá trị 44.590.000 đồng; bồi thường cho anh Trương Văn Giàu 01 điện thoại hiệu Vivo, loại 1808 có giá trị 3.490.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T và Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho anh Trương Phi T7 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave, màu đen – bạc, biển kiểm soát 93B1 – 158.15 và xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu vàng - đen, biển kiểm soát: 93B1 – 126.03 theo thỏa thuận tại phiên tòa là 35.000.000 đồng; bồi

thường cho anh Tống Văn N8 xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Wave RSX, màu xanh, biển số 36B2 – 028.58 giá trị 6.600.000 đồng và xe mô tô Nhãn hiệu Honda – Vision, màu đỏ, biển kiểm soát: 36B5 – 031.53 trị giá 24.500.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn L8 xe Honda – Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 93N3 – 2911 trị giá 8.000.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Bích L11 xe mô tô hiệu Honda Future, màu đen xám, biển kiểm soát 93E1-090.60 trị giá 16.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn D3 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winhãner, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 64D1-408.74 trị giá 28.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Thanh Long 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh-đỏ-đen, biển kiểm soát 93B1-173.30 trị giá 23.000.000 đồng.

Bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T liên đới bồi thường cho anh Lâm Thanh H11 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airlade, màu sơn đen, biển kiểm soát 93C1-079.22 trị giá 28.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh H10 một con dê trị giá 5.250.000 đồng.

Bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1, Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Hồng T13 xe mô tô Honda hiệu AirBlade, biển kiểm soát: 93M1 - 214.26 giá trị 23.000.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thị D5 xe mô tô Honda hiệu Vision màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 93P2 - 017.13 có giá 17.000.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Ngọc Anh và chị Lê Thị Thuyết xe mô tô Honda hiệu Blade màu đen-cam, biển kiểm soát 93P1 - 944.96 giá trị 9.350.000 đồng.

Đối với tài sản của anh Lê Minh T9 bị mất trộm xe Nhãn hiệu Yamaha – Excenter, màu đỏ trắng, biển kiểm soát: 93B1 – 220.29 có giá trị 36.000.000 đồng do Nguyễn Duy P8, Huỳnh Hữu T, Văn Thanh C, Nông Quốc C4 thực hiện. Tuy nhiên, Nông Quốc C4 đã tự nguyện bồi thường cho anh Tánh số tiền 25.000.000 đồng, anh Tánh không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

Đối với tài sản là một xe mô tô Nhãn hiệu Honda, loại xe SH mode, màu sơn: đen-xám, biển kiểm soát: 93B1- 141.73 của anh Nguyễn Phước L7 có giá trị là 33.000.000 đồng; một xe mô tô Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn: đen, biển kiểm soát: 93F1- 429.48 của chị Trần Nguyễn Thu C5 có giá trị là 22.300.000 đồng do Nguyễn Duy P8, Huỳnh Hữu T, Văn Thanh C thực hiện. T, C1 đã tích cực tác động gia đình bồi thường cho anh L7, chị C5 số tiền 25.000.000 đồng. Anh L7, chị C5 không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

Đối với tài sản 01 xe Honda – Future màu xám ghi, biển kiểm soát: 93C1 – 142.92 của anh Lê Đình H9 có giá trị 18.800.000 đồng do Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T, Nguyễn Duy P8 thực hiện. Bị cáo T, C1 tích cực tác động gia đình bồi thường cho anh H9 số tiền 8.000.000 đồng. Anh H9 không có yêu cầu gì khác nên không xét đến trong vụ án này.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 (hai) thanh kim loại màu trắng một đầu dẹp, một đầu hình lục giác, được gắn vào một thanh kim loại hình chữ L bên ngoài có quấn băng keo màu đen (theo lời khai của Huỳnh Hữu T dây là dụng cụ dùng để bẻ khóa xe mô tô); 01 (một) kìm bằng kim loại (kìm cộng lực) màu Trắng-Cam tay cầm được quấn băng keo màu đen, kích thước 29cmx5cm cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Tô Xuân C3 nộp theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0004774 ngày 20/02/2020; số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Ngô Văn P2 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0001559 ngày 07/7/2020; số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0001561 ngày 09/7/2020 tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 (một) xe mô tô Nhãn hiệu SUZUKI, loại Satria; màu Đỏ-Đen; biển số 93C1 – 244.83; số khung: 180952; số máy: 180811 do ông Huỳnh Hữu T16, sinh năm 1967 trú tại tổ 2, ấp 2, xã Minh Tâm huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước là chủ sở hữu. Đến cuối tháng 09/2019, ông T17cho con trai (T) mượn làm P2 tiện đi lại, ông T17hoàn T không biết việc T mượn xe mô tô của ông để làm gì nên đã được trả lại cho ông T17nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Đối với Phạm Anh T17và Nguyễn Duy P8 (Bi Chó) đã bỏ trốn, Cơ quan C1 sát điều tra Công an huyện Chơn Thành đã khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam, ra Quyết định truy nã và tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can T17và P8. Khi bắt được sẽ phục hồi điều tra, xử lý theo đúng quy định.

Đối với P8, H9 biết rõ xe mô tô của Tô Xuân C3, Nguyễn Duy P8 "Bi Chó" bán là tài sản do phạm tội mà có mà vẫn mua, nhưng đến nay vẫn chưa xác định lý lịch nên không xem xét trách nhiệm trong lần xử lý này;

Đối với Văn Thị Lệ Trinh là chủ 02 xe ô tô biển kiểm soát 93A-136.08 và 93A-140.66, chị Trinh đã cho H và C thuê để làm P2 tiện đi trộm cắp. Chị Trinh kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái và không biết H và C thuê xe ô tô để cùng đồng bọn sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý;

Đối với người được bị cáo Huỳnh Hữu T thuê làm thịt dê và người thân của T, Nguyễn Đức N, Văn Thanh C đã sử dụng nhưng không biết thịt dê do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý;

Đối với ông Huỳnh Hữu T16 là cha của bị cáo Huỳnh Hữu T đã cho T mượn xe mô tô Nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát: 93C1 – 244.83 làm P2 tiện, ông T17không biết T sử dụng để thực hiện tội phạm nên không đủ cơ sở xử lý.

Đối với các biển số xe ô tô giả mà các bị cáo sử dụng dán lên biển số thật của xe ô tô tránh bị phát hiện khi đi trộm tài sản, khi bị cáo Phạm Anh T17bị Công an

huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy đuổi, T17đã chạy thoát và không xác định được các biển số giả ở đâu nên không thu hồi.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng của anh Lê Văn L6 bỏ trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 93B1-253.73 bị mất ngày 29 tháng 5 năm 2019, bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 đều xác định không có số tiền nêu trên và chưa có tài liệu khác để chứng minh, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có kết quả sẽ đề nghị xử lý sau.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T, Văn Thanh C, Nguyễn Đức N, Phạm Quang H, Trần Văn C1, Nông Quốc C4 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Tuyên bố bị cáo Tô Xuân C3, Ngô Văn P2 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu T 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày 03/10/2019.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Văn Thanh C 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày 11/11/2019.

2.3. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.5. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C1 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Xuân C3 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn P2 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày 14/11/2019.

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17, 58 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nông Quốc C4 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 24/11/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thanh kim loại màu trắng một đầu dẹp, một đầu hình lục giác, được gắn vào một thanh kim loại hình chữ L bên ngoài có quấn băng keo màu đen; 01 (một) kìm bằng kim loại (kìm cộng lực) màu Trắng-Cam tay cầm được quấn băng keo màu đen, kích thước 29cmx5cm cần tịch thu tiêu hủy.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo Tô Xuân C3 giao nộp theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0004774 ngày 20/02/2020; số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Ngô Văn P2 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0001559 ngày 07/7/2020; số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0001561 ngày 09/7/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1 liên đới bồi thường cho anh Lê Văn L6 và chị Lê Thị H5 số tiền 65.900.000 đồng cụ thể bị cáo Hvà C1mỗi bị cáo bồi thường cho anh Luận và chị Hương số tiền 32.950.000 đồng; bồi thường cho anh

Lê Văn Đ6 số tiền 4.000.000 đồng cụ thể bị cáo Hvà C1mỗi bị cáo bồi thường cho anh Đông 2.000.000 đồng; bồi thường cho cháu
Lê Văn K3 số tiền 5.600.000 đồng cụ thể bị cáo Hvà C1mỗi bị cáo bồi thường cho cháu Khánh 2.800.000 đồng; bồi thường cho anh Lê T15 số tiền 44.590.000 đồng cụ thể bị cáo Hvà C1mỗi bị cáo bồi thường cho anh T1722.295.000 đồng; bồi thường cho anh Trương Văn G số tiền 3.490.000 đồng cụ thể bị cáo Hvà C1mỗi bị cáo bồi thường cho anh G 1.745.000 đồng.

Buộc bị cáo Văn Thanh C, Huỳnh Hữu T và Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho anh Trương Phi T7 số tiền 35.000.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho anh T7 số tiền 13.125.000 đồng, bị cáo N bồi thường cho anh Thuận số tiền 8.750.000 đồng; bồi thường cho anh Tống Văn N8 số tiền 31.100.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho anh N8số tiền 11.662.500 đồng, bị cáo N bồi thường cho anh N8số tiền 7.775.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn L8 số tiền 8.000.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho anh Lâm 3.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường cho anh L8 2.000.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị Bích L11 số tiền 16.000.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho chị L11 số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo N bồi thường cho chị Liên số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn D3 số tiền 28.000.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho anh D3 số tiền 10.500.000 đồng, bị cáo N bồi thường cho anh D3 số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Thanh L12 số tiền 23.000.000 đồng cụ thể bị cáo C1 và T mỗi bị cáo bồi thường cho anh L12 số tiền 8.625.000 đồng, bị cáo N bồi thường cho anh L12 số tiền 5.750.000 đồng.

Buộc bị cáo Văn Thanh C và Huỳnh Hữu T liên đới bồi thường cho anh Lâm Thanh H11 số tiền 28.000.000 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 14.000.000 đồng; bồi thường cho anh Phạm Minh H10 số tiền 5.250.000 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 2.625.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Quang H, Trần Văn C1, Nguyễn Đức N liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Hồng T13 số tiền 23.000.000 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 7.667.000 đồng; bồi thường cho chị Lê Thị D5 số tiền 17.000.000 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 5.667.000 đồng; bồi thường cho anh Đặng Ngọc A2 và chị Lê Thị T14 số tiền 9.350.000 đồng cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 3.117.000 đồng.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Huỳnh Hữu T phải là 3.476.000 đồng; bị cáo Văn Thanh C phải chịu là 3.476.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu là 2.197.000 đồng; bị cáo Phạm Quang H phải chịu là 3.912.000 đồng; bị cáo Trần Văn C1 phải chịu là 3.912.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Loan